TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2018.
"V/v Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Kim Phượng.

2. Ông Lý Thanh Chiều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tuấn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lý Thị Xây L (có mặt);

Địa chỉ: Số 1, ấp Bố L, xã Thuận H, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Liêu Đ (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 0, ấp Bố L, xã Thuận H, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 03 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lý Thị Xây L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1990 bà Lý Thị Xây L và ông Liêu Đ có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến

năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Liêu Đ thường bạo hành gây sự với bà Xây L. Đến đầu năm 2018 bà Xây L bỏ đi; bà Xây L và ông Liêu Đ không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lý Thị Xây L và ông Liêu Đ có 02 người con chung: Liêu Thị Hồng D, sinh năm 1992 và Liêu Thị Diễm H, sinh năm 1995.

- Về tài sản chung: Bà Xây L và ông Liêu Đ tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Bà Lý Thị Xây L yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Xây L yêu cầu ly hôn với ông Liêu Đ.

- Về con chung: Sau khi ly hôn con chung Liêu Thị Hồng D, sinh năm 1992 và Liêu Thị Diễm H, sinh năm 1995 các con đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Xây L và ông Liêu Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 4 năm 2018 bị đơn ông Liêu Đ trình bày:

Vào năm 1990 ông Liêu Đ và bà Xây L có tổ chức đám cưới với nhau và không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2016 ông Liêu Đ phát hiện bà Xây L ngoại tình con gái bắt gặp ở chung nhà trọ với người đàn ông khác, từ đó đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, bà Xây L cho rằng ông Liêu Đ gây sự và bạo hành là không đúng. Ông Liêu Đ nhận thấy bà Xây L không còn xứng đáng làm một người vợ của ông nữa nên ông Liêu Đ đồng ý ly hôn; Về con chung trong thời gian chung sống ông Liêu Đ và và Xây L có 02 con chung Liêu Thị Hồng D, sinh năm 1992 và Liêu Thị Diễm H, sinh năm 1995; các con đều đã trưởng thành và tự lao động được, nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết

Đối với bị đơn ông Liêu Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng bị đơn vẫn

vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn ông Liêu Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tuyên bố không công nhận bà Xây L và ông Liêu Đ là vợ chồng; Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung bà Xây L và ông Liêu Đ tự thỏa thuận; Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Liêu Đ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn ông Liêu Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Liêu Đ.

[2] Về Nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Xây L và ông Liêu Đ tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 1990, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì ông, bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, bà Xây L và ông Đ không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy, bà Xây L và ông Liêu Đ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990

nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Mặc khác, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân của bà Xây L và ông Liêu Đ không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Lý Thị Xây L và ông Liêu Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Xây L và ông Liêu Đ có 02 con chung: Liêu Thị Hồng D, sinh năm 1992 và Liêu Thị Diễm H, sinh năm 1995; đã trưởng thành có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Xây L và ông Liêu Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Xây L là người có đơn xin ly hôn, bà Xây L phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lý Thị Xây L và ông Liêu Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung Liêu Thị Hồng D, sinh năm 1992 và Liêu Thị Diễm H, sinh năm 1995; đã trưởng thành có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Xây L và ông Liêu Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Xây L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007440 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà Xây L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Liêu Đ thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đào Thị Kiều Oanh

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*